

Bản án số: 420/2018/DS-ST

Ngày: 06 - 7 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc San Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Công Nhân;

2. Bà Nguyễn Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 06 tháng 07 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2018/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Việt Q, sinh năm 1968 (vắng mặt)

1.2 Bà Lê Minh N, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường V, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Phan Phi H, sinh năm 1991; Địa chỉ liên lạc: đường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

- Bà Phạm Thị Huyền N, sinh năm: 1972; Địa chỉ liên lạc: chung cư P, 48 Hoa sứ, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy Ủy Quyền số công chứng 06367.17 ký ngày 21/11/2017 tại Văn phòng Công chứng Vạn Xuân – thành phố Hà Nội).

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977; địa chỉ: Chung cư P, Tổ B, Khu phố M, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2017 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Việt Q và bà Lê Minh N, có ông Phan Phi H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 22/9/2014 ông Nguyễn Việt Q và bà Lê Minh N có cho ông Nguyễn Văn L vay tiền theo hợp đồng cho vay và vay tiền, được công chứng số 2496.2014/HĐVT ngày 22/9/2014. Với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay là 2.116.000.000 đồng;

- Mục đích vay: kinh doanh;

- Thời hạn vay là 24 tháng;

- Lãi suất: được tính theo lãi suất cho vay cá nhân áp dụng cho thời hạn vay 12 tháng của ngân hàng BIDV, lãi suất được điều chỉnh theo mỗi chu kỳ 03 tháng, lãi suất được tính trên cơ sở lãi nhập gốc theo mỗi chu kỳ 03 tháng, toàn bộ các khoản lãi và gốc sẽ được thanh toán vào cuối kỳ;

- Phương thức thanh toán: đợt 1: ông L có nghĩa vụ trả 50% số nợ gốc sau 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; đợt 2: 50% nợ gốc còn lại sẽ được thanh toán trong vòng 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Đồng thời ông L phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi vào cuối kỳ bao gồm lãi phát sinh từ lãi nhập gốc theo mỗi chu kỳ 03 tháng. Đến hạn trả nợ mà ông L không trả được thì phải chịu lãi phạt với mức cao nhất mà pháp luật cho phép.

Sau khi ký hợp đồng vay, bị đơn đã nhận đủ số tiền vay theo giấy biên nhận ngày 22/9/2014.

Đến hạn thanh toán đợt 1 ông L không thanh toán cho nguyên đơn theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Ngày 05/10/2015, nguyên đơn có văn bản yêu cầu bị đơn trả nợ theo đúng qui định, văn bản này đã được ông L ký nhận. Đến hạn thanh toán đợt 2 ông L vẫn không thanh toán cho nguyên đơn theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Ngày 17/6/2017, bị đơn có ký Giấy nhận nợ xác nhận số tiền còn nợ nguyên đơn là 2.854.788.700 đồng tiền gốc (tính từ ngày 22/9/2014 đến ngày 21/3/2017) và tiền lãi tạm tính từ ngày 22/3/2017 đến ngày 15/6/2017 là 81.837.300 đồng (chưa đến kỳ nhập gốc), bị đơn cam kết thanh toán số tiền nêu trên chậm nhất vào ngày 17/8/2017.

Tuy nhiên, bị đơn chưa thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 buộc bị đơn, ông Nguyễn Văn L thanh toán cho nguyên đơn, ông Nguyễn Việt Q và bà Lê Minh N tổng số tiền tạm tính là 3.101.305.300 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc: 3.066.936.200 đồng (theo phương thức lãi nhập gốc trên số nợ vay ban đầu là 2.116.000.000 đồng theo mỗi chu kỳ 03 tháng theo quy định tại hợp đồng vay, lãi suất áp dụng là 12%/năm) và nợ lãi: 34.369.100 đồng tạm tính đến ngày 25/10/2017.

Tại phiên tòa, ông Phan Phi H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định số tiền gốc luôn là 2.116.000.000 đồng, các số tiền khác mà nguyên đơn yêu cầu đều là tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc này và xác định yêu cầu buộc bị đơn phải trả số nợ gốc ban đầu là 2.116.000.000 đồng, bổ sung yêu cầu khởi kiện là buộc bị đơn trả các khoản tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử là ngày 04/7/2018 gồm:

- Lãi tính từ ngày 22/9/2014 đến ngày 17/8/2017 là: 882.239.900 đồng;
- Lãi tính từ ngày 18/8/2017 đến ngày 04/7/2018 là: 314.829.900 đồng.

Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.313.069.800 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu đối với ai khác và không còn yêu cầu nào khác.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn L, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập ông đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng ông L chỉ đến Tòa án một lần duy nhất vào ngày 29/5/2018 để ký nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mà hẹn đến ngày 30/5/2018 sẽ cung cấp bản tự khai. Nhưng sau đó, ông L vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Sau khi nghe chủ tọa công bố lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án

của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 2.116.000.000 đồng và nợ lãi từ ngày 22/9/2014 đến ngày 17/8/2017 là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ lãi từ ngày 18/8/2017 đến ngày 04/7/2018 cao hơn mức lãi suất do pháp luật qui định nên đề nghị Hội đồng xét xử tính theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền gốc, lãi đã vay và bị đơn ông Nguyễn Văn L hiện cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn liên tục vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Nguyễn Văn L đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Xét Hợp đồng cho vay và vay tiền ngày 22/9/2014 và Giấy nhận nợ ngày 17/6/2017 có chữ ký, chữ viết của bị đơn. Bị đơn là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã đọc và hiểu rõ Hợp đồng cho vay và vay tiền, được công chứng số 2496.2014/HĐVT ngày 22/9/2014 và Giấy nhận nợ ngày 17/6/2017 nhưng vẫn đồng ý ký tên xác nhận, ghi lại số điện thoại và email liên lạc, đồng thời trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có ý

kiến phản đối đối với những tài liệu này. Nguyên đơn cũng thừa nhận tất cả nội dung trong hai văn bản này. Do vậy, có cơ sở xác định nội dung trong Hợp đồng cho vay và vay tiền ngày 22/9/2014 và Giấy nhận nợ ngày 17/6/2017 là có thật và được cả hai bên thừa nhận.

[4] Theo Hợp đồng cho vay và vay tiền, được công chứng số 2496.2014/HĐVT ngày 22/9/2014 tại Văn phòng Công chứng Trảng An, và Giấy biên nhận tiền do ông Nguyễn Văn L ký ngày 22/9/2014, xác định được bị đơn đã nhận số tiền vay 2.116.000.000 đồng từ nguyên đơn. Tại các điều khoản ký kết trong hợp đồng thì thời hạn vay là 24 tháng tính từ ngày 22/9/2014. Qua thời hạn 24 tháng, bị đơn tiếp tục ký xác nhận vào Giấy nhận nợ ngày 17/6/2017 với nội dung xác nhận: *“Tôi cam kết sẽ hoàn trả và thanh toán toàn bộ khoản vay và lãi vay chưa thanh toán này chậm nhất vào ngày 17/8/2017 (Ngày Hạn Chót)”*, nguyên đơn cũng trình bày đã đồng ý cho bị đơn kéo dài thời gian trả nợ đến ngày 17/8/2017. Như vậy, hai bên đã thống nhất kéo dài thời hạn thực hiện hợp đồng vay nêu trên để thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến ngày 17/8/2017 là kết thúc hợp đồng, đây cũng là thời điểm Bộ luật dân sự 2015 đã có hiệu lực, nên căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[5] Về phương pháp tính lãi trên hợp đồng cho vay và vay tiền do hai bên thỏa thuận trên hợp đồng: lãi được tính theo lãi suất cho vay cá nhân áp dụng cho thời hạn vay 12 tháng của ngân hàng BIDV, lãi suất được điều chỉnh theo mỗi chu kỳ 03 tháng, lãi suất được tính trên cơ sở lãi nhập gốc theo mỗi chu kỳ 03 tháng, toàn bộ các khoản lãi và gốc sẽ được thanh toán vào cuối kỳ. Nhưng điều khoản này không nói rõ tính theo lãi suất của ngân hàng BIDV về cho vay cá nhân có tài sản bảo đảm hay không có tài sản bảo đảm, cho vay sản xuất kinh doanh hay cho vay thông thường. Từ các thông báo lãi suất cho vay từ ngày 22/9/2014 đến nay của ngân hàng BIDV cung cấp theo yêu cầu tại công văn số 339/TAQ7 ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì tùy mục đích vay, có thể chấp hay không mà mức lãi suất của ngân hàng BIDV là không giống nhau và có sự chênh lệch rất lớn. Nên thỏa thuận về phương pháp tính lãi trong Hợp đồng cho vay và vay tiền ngày 22/9/2014 là vô hiệu vì không rõ ràng và không thể thực hiện được, theo qui định tại Điều 411 Bộ luật dân sự 2005 (thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực) và Điều 408 Bộ luật dân sự 2015.

Tuy nhiên, căn cứ theo Giấy nhận nợ ngày 17/6/2017 có nội dung xác nhận của bị đơn: *“tính đến ngày 15/6/2017, tôi còn nợ ông Nguyễn Việt Q cùng vợ là bà Lê Minh N tiền gốc vay là 2.854.788.700 VND (lãi nhập gốc mỗi chu kỳ 03 tháng theo quy định tại Hợp đồng vay) và tiền lãi vay tạm tính đến ngày 15/6/2017 là 81.837.300 VND)”*, theo đó, tính đến ngày 15/6/2017, số nợ gốc là

2.116.000.000 đồng và số lãi phát sinh là 820.626.000 đồng, chiếm tỷ lệ 38,8% trên khoản tiền vay trong thời gian 32 tháng 23 ngày, tính từ ngày 22/9/2014 đến ngày 15/6/2017, tương đương lãi suất 14,32%/năm. Từ đó, xác định được lãi suất hai bên đã thừa nhận và áp dụng trên thực tế là 14,32%/năm, không vượt quá lãi suất cho vay quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 2.116.000.000 đồng và lãi trong thời gian 34 tháng 25 ngày tính từ ngày 22/9/2014 đến ngày 17/8/2017 là: 882.239.900 đồng trên số nợ gốc, tương đương lãi suất là 14,28%/ năm. Do yêu cầu tính lãi này của nguyên đơn không vượt quá lãi suất trên thực tế hai bên đã thừa nhận và áp dụng, đồng thời cũng đã quá thời hạn trả nợ do hai bên thỏa thuận là ngày 17/8/2017 nên yêu cầu này là hợp lý và có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày 18/8/2017 đến ngày 04/7/2018 (10 tháng 16 ngày) trên số nợ gốc và lãi đến hạn chưa trả, nguyên đơn tính theo lãi suất 12%/năm là: 314.829.900 đồng. Căn cứ theo quy định tại Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, khi đến hạn mà bị đơn chưa trả hết tiền vay thì bị đơn còn phải trả lãi như sau: lãi trên số nợ gốc quá hạn chưa trả 2.116.000.000 đồng bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng, tương đương 21,42%/năm nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 12%/năm nên có cơ sở chấp nhận; lãi trên số tiền lãi phát sinh trong hạn chưa trả là 882.239.900 đồng được tính theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm, thấp hơn mức lãi suất 12%/năm do nguyên đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm đối với số tiền lãi trong hạn. Như vậy, số tiền lãi phát sinh từ ngày 18/8/2017 đến ngày 04/7/2018 (10 tháng 16 ngày) là:

- $2.116.000.000 \times 12\% / 12 \times 10 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 222.180.000 \text{ đồng}$

- $882.239.900 \times 10\% / 12 \times 10 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 77.195.991 \text{ đồng}$

Tổng cộng, số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn trong thời gian từ ngày 18/8/2017 đến ngày 04/7/2018 là 299.375.991 đồng. Do nguyên đơn yêu cầu số tiền 314.829.900 đồng, nên đã vượt quá số tiền được chấp nhận là 15.453.908 đồng, do vậy nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bị đơn ông Nguyễn Văn L phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Việt Q và bà Lê Minh N số tiền nợ gốc là 2.116.000.000 đồng và nợ lãi từ ngày 22/9/2014 đến ngày 04/7/2018 là 1.181.615.891 đồng, tổng

cộng là 3.297.615.891 đồng. Không chấp nhận số tiền nguyên đơn yêu cầu vượt quá quy định về lãi suất trên lãi trong hạn là 15.453.908 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận theo quy định pháp luật. Hoàn lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí còn lại sau khi nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 408, Điều 466, Điều 468 và Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn, ông Nguyễn Văn L.

2. Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

2.1 Buộc bị đơn, ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn, ông Nguyễn Việt Q và bà Lê Minh N số tiền nợ gốc là 2.116.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm mười sáu triệu đồng) và nợ lãi từ ngày 22/9/2014 đến ngày 04/7/2018 là 1.181.615.891 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi một triệu sáu trăm mười lăm ngàn tám trăm chín mươi một đồng), tổng cộng là 3.297.615.891 đồng (Ba tỷ hai trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm chín mươi một đồng). Ông Nguyễn Văn L phải trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2.2 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 97.952.318 đồng (Chín mươi bảy triệu chín trăm năm mươi hai ngàn ba trăm mười tám đồng).

- Ông Nguyễn Việt Q và bà Lê Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 772.695 (Bảy trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm chín mươi lăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.013.053 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm mười ba ngàn không trăm năm mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0025031 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Việt Q và bà Lê Minh N số tiền tạm ứng án phí là 46.240.358 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ngàn ba trăm năm mươi tám đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0025031 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp nghĩa vụ trả tiền trên được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THA DS Quận 7;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Luyện).

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc San Hà